

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	11 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị theo Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200041908 ngày 19/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/06/2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được hủy giao dịch trên sàn UPCOM kể từ ngày 02/07/2025 theo Quyết định số 708/QĐ-SGDHN ngày 06/06/2025 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 182.332.690.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2025: 182.332.690.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại : 0233 3554 133

Email : qtwaco@gmail.com

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Bá Hiếu	Chủ tịch	18/11/2021	26/07/2025
Ông Trần Văn Hợi	Chủ tịch	01/08/2025	
	Thành viên	18/11/2021	01/08/2025
Ông Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch	18/11/2021	
Ông Lê Văn Tư	Thành viên	18/11/2021	09/09/2025
Ông Trần Văn Hợi	Thành viên	18/11/2021	
Ông Lê Thành Ty	Thành viên	16/08/2024	
Ông Phan Ngọc Linh	Thành viên	09/09/2025	
Ông Lê Quang Văn	Thành viên	09/09/2025	

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Lưu	Trưởng ban	25/04/2025	
Ông Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban	28/05/2022	25/04/2025
Ông Nguyễn Đăng Tú	Thành viên	25/04/2025	
Bà Nguyễn Thị Thanh Nga	Thành viên	28/05/2022	25/04/2025
Ông Quách Mạnh Cường	Thành viên	25/04/2025	

4.3 Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Thành Ty	Giám đốc	05/09/2024	
Ông Lê Văn Tư	Phó Giám đốc	01/12/2021	15/07/2025
Ông Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc	01/04/2021	
Bà Lê Thị Lưu	Kế toán trưởng	01/10/2022	25/04/2025
Ông Phan Ngọc Linh	Phụ trách kế toán	25/04/2025	20/05/2025
Ông Phan Ngọc Linh	Kế toán trưởng	20/05/2025	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đào Bá Hiếu	Chủ tịch HĐQT	18/11/2021	26/07/2025
Ông Trần Văn Hợi	Chủ tịch HĐQT	01/08/2025	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



LÊ THÀNH TỴ

Giám đốc

Quảng Trị, ngày 04 tháng 03 năm 2026

Số: 03/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04/03/2026, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 04 tháng 03 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- VIETVALUES



Huỳnh Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNĐKHN số: 3402-2025-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Trần Quốc Bảo - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN số: 5199-2026-071-1

Nơi nhận:

- *Như trên.*
- *Lưu VIETVALUES.*

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		129.515.322.615	126.985.436.315
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	14.791.005.170	19.257.017.676
111	1. Tiền		9.791.005.170	19.257.017.676
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		89.002.650.326	75.230.296.862
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	89.002.650.326	75.230.296.862
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.835.060.873	18.416.385.203
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	9.947.747.868	16.253.834.610
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.763.607.674	1.624.096.364
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.636.318.106	962.592.703
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(512.612.775)	(424.138.474)
140	IV. Hàng tồn kho		11.973.263.662	13.956.729.794
141	1. Hàng tồn kho	V.7	11.973.263.662	13.956.729.794
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		913.342.584	125.006.780
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	242.088.325	125.006.780
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		622.413.056	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	48.841.203	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		196.543.897.753	181.005.207.789
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		152.069.015.032	172.277.561.629
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	151.551.279.227	171.572.686.100
222	- Nguyên giá		499.274.985.532	486.495.365.603
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(347.723.706.305)	(314.922.679.503)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	517.735.805	704.875.529
228	- Nguyên giá		1.509.554.000	1.509.554.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(991.818.195)	(804.678.471)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		40.646.647.858	4.315.858.561
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	40.646.647.858	4.315.858.561
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.828.234.863	4.411.787.599
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	3.828.234.863	4.411.787.599
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		326.059.220.368	307.990.644.104

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

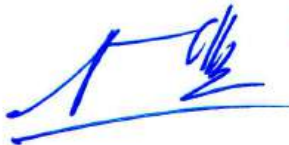
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	4
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		96.430.821.657	85.578.201.714
310	I. Nợ ngắn hạn		53.063.903.702	57.957.458.284
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	1.629.571.318	8.293.267.241
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.252.309.240	1.269.103.410
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	3.773.729.133	3.266.648.071
314	4. Phải trả người lao động	V.15	18.471.644.196	18.223.937.050
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	1.436.795.424	1.720.304.077
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	12.627.155.432	9.329.076.915
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	7.564.008.260	9.385.980.634
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	6.308.690.699	6.469.140.886
330	II. Nợ dài hạn		43.366.917.955	27.620.743.430
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	38.969.191.688	22.933.199.595
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.20	4.397.726.267	4.687.543.835
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		229.628.398.711	222.412.442.390
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.21	229.628.398.711	222.412.442.390
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		182.332.690.000	182.332.690.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.332.690.000	182.332.690.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		26.191.917.008	20.239.987.540
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.103.791.703	19.839.764.850
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		21.103.791.703	19.839.764.850
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		326.059.220.368	307.990.644.104

Người lập biểu



TRỊNH THỊ THANH NHÂN

Kế toán trưởng



PHAN NGỌC LINH



Quảng Trị ngày 04 tháng 03 năm 2026

Giám đốc



LÊ THÀNH TY

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	185.814.624.610	186.446.647.212
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		185.814.624.610	186.446.647.212
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	119.267.845.549	121.264.966.062
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		66.546.779.061	65.181.681.150
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3.280.813.260	2.035.122.889
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	2.747.847.104	3.244.925.480
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2.747.847.104	3.244.925.480
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	25.020.714.769	20.798.667.853
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	15.968.699.994	18.205.054.568
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.090.330.454	24.968.156.138
31	11. Thu nhập khác	VI.7	2.578.688.100	1.633.788.871
32	12. Chi phí khác	VI.8	2.183.217.300	1.622.285.966
40	13. Lợi nhuận khác		395.470.800	11.502.905
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.485.801.254	24.979.659.043
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	5.382.009.507	5.139.894.149
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.103.791.747	19.839.764.894
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	984	906
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	984	906

Người lập biểu

TRỊNH THỊ THANH NHÀN

Kế toán trưởng

PHAN NGỌC LINH



ngày 04 tháng 03 năm 2026

Giám đốc

LÊ THÀNH TY

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		173.749.181.296	185.432.876.194
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(47.166.720.648)	(69.909.038.068)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(58.924.548.266)	(46.406.903.874)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	V.16, V1.4	(2.902.531.923)	(3.384.759.787)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(4.627.497.382)	(3.926.887.201)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		8.407.532.666	29.388.354.601
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(36.328.726.887)	(31.162.291.882)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		32.206.688.856	60.031.349.983
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(29.290.200.710)	(8.168.961.197)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(64.500.000.000)	(36.776.211.091)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		53.255.021.091	8.413.151.542
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		223.754.911	1.803.620.703
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(40.311.424.708)	(34.728.400.043)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		23.600.000.000	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.1	(9.385.980.634)	(6.637.115.907)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.21c	(10.575.296.020)	(8.350.837.102)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.638.723.346	(14.987.953.009)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(4.466.012.506)	10.314.996.931
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.257.017.676	8.942.020.745
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)		14.791.005.170	19.257.017.676

Người lập biểu

TRINH THỊ THANH NHÀN

Kế toán trưởng

PHAN NGỌC LINH

Quảng Trị, ngày 04 tháng 03 năm 2026
Giám đốc

LÊ THÀNH TỶ

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị theo Quyết định số 2435/QĐ-UBND ngày 05/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200041908 ngày 19/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 04 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/06/2025.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng công nghiệp, cấp thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... nào khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Thông tin khái quát về các đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
1. XN Nước sạch Đông Hà	Đường Trần Bình Trọng, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
2. XN Nước sạch Triệu Hải	Số 11 Phan Bội Châu, phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị
3. XN Nước sạch Bến Hải	Số 263 Lê Duẩn, xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
4. XN Nước sạch Đường 9	Khối 3B, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị
5. XN Xây lắp	Thôn Phô Lại, xã Hiếu Giang, tỉnh Quảng Trị
6. Trung tâm kiểm định đồng hồ và chống thất thoát	Số 02 Nguyễn Trãi, phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 307 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 265 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Số tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu giá trị tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính;
- Nếu giá trị tồn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chi phí trả trước khác

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phải trả người bán và khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty gồm:

- Chi phí lãi vay phải trả: được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay;
- Các khoản chi phí phải trả khác: chi phí phải trả được xác định dựa vào các hợp đồng ký kết trên cơ sở thực tế chi phí đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn tài chính.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu cung cấp nước sạch

Doanh thu cung cấp nước sạch được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu lắp đặt, xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn và khoản doanh thu tương ứng được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Các khoản giảm giá vốn trong kỳ bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ,...

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Tiền mặt	75.995.543	68.238.742
Tiền gửi ngân hàng	9.715.009.627	19.188.778.934
Tương đương tiền (*)	5.000.000.000	-
Cộng	<u>14.791.005.170</u>	<u>19.257.017.676</u>

Tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Quảng Trị.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>31/12/2025</u>		<u>01/01/2025</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng				
- Ngân hàng NN&PTNN Việt Nam	28.258.778.500	28.258.778.500	17.623.018.600	17.623.018.600
- CN Quảng Trị				
- Ngân hàng BIDV - CN Quảng Trị	18.035.726.464	18.035.726.464	20.520.415.217	20.520.415.217
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Trị	42.708.145.362	42.708.145.362	37.086.863.045	37.086.863.045
Cộng	<u>89.002.650.326</u>	<u>89.002.650.326</u>	<u>75.230.296.862</u>	<u>75.230.296.862</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Phải thu khách hàng là các đối tượng khác	9.947.747.868	16.253.834.610
Công nợ tiền nước	7.751.325.014	7.091.684.307
Các đối tượng khác	2.196.422.854	9.162.150.303
Cộng	<u>9.947.747.868</u>	<u>16.253.834.610</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	1.763.607.674	1.624.096.364
Công ty CP Tổng hợp Sỹ An	926.868.826	530.446.700
TT quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị	260.746.000	291.322.400
Các đối tượng khác	575.992.848	802.327.264
Cộng	1.763.607.674	1.624.096.364

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	1.636.318.106	-	962.592.703	-
Tạm ứng CBCNV	192.869.397	-	223.481.448	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-	33.659.393	-
Ban QLDA Đầu tư phát triển Cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận	174.801.419	-	174.801.419	-
Lãi dự thu	1.039.129.550	-	509.445.756	-
Các khoản phải thu khác	229.517.740	-	21.204.687	-
Cộng	1.636.318.106	-	962.592.703	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu khách hàng				
Các công trình thuộc dự án UnHabitat	>3 năm	-	>3 năm	76.048.000
Cầu sông Hiếu và đường hai đầu cầu (đoạn từ Nguyễn Chí Thanh đến Hoàng Thị Ái)	1-2 năm	118.840.000	1-2 năm	118.840.000
Các đối tượng khác	>3 năm	34.200.402	>3 năm	38.111.402
Các đối tượng khác	2-3 năm	-	2-3 năm	21.741.000
Các đối tượng khác	1-2 năm	296.000.001	1-2 năm	-
Trả trước cho người bán				
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	> 3 năm	211.572.372	> 3 năm	211.572.372
Phải thu khác				
Ban QLDA Đầu tư Phát triển Cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận (Trực thuộc Công ty)	> 3 năm	174.801.419	>3 năm	174.801.419
Cộng		835.414.194		641.114.193
		322.801.419		216.975.719

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm này	Năm trước
Số đầu năm	424.138.474	213.331.700
Trích lập dự phòng trong năm	190.174.301	210.906.774
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(101.700.000)	-
Số cuối năm	512.612.775	424.238.474

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.953.762.819	-	12.256.920.006	-
Công cụ, dụng cụ	1.865.000	-	1.450.000	-
Chi phí SXKD dở dang	1.017.635.843	-	1.698.359.788	-
Cộng	11.973.263.662	-	13.956.729.794	-

- Chi phí SXKD dở dang chủ yếu là giá trị của các công trình xây lắp, lắp đặt hệ thống cấp nước.
- Công ty không có HTK ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thu tại ngày 31/12/2025.
- Công ty không có HTK dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay và nợ tại ngày 31/12/2025.

8. Chi phí trả trước**8.a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ dụng cụ	171.356.366	118.845.344
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	70.731.959	6.161.436
Cộng	242.088.325	125.006.780

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	125.006.780	586.032.760
Tăng trong năm	756.288.901	576.489.443
Phân bổ trong năm	(639.207.356)	(1.037.515.423)
Số dư cuối năm	242.088.325	125.006.780

8.b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí công cụ dụng cụ	1.584.143.378	2.425.764.469
Chi phí sửa chữa tài sản	2.189.425.397	1.842.629.175
Các khoản chi phí trả trước khác	54.666.088	143.393.955
Cộng	3.828.234.863	4.411.787.599

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.411.787.599	5.653.483.312
Tăng trong năm	2.855.207.194	2.260.216.047
Phân bổ trong năm	(3.438.759.930)	(3.501.911.760)
Số dư cuối năm	3.828.234.863	4.411.787.599

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	126.345.936.090	44.697.195.903	313.036.858.911	2.415.374.699	486.495.365.603
Tăng trong năm, trong đó:					-
- Mua sắm trong năm	-	72.555.556	-	35.409.090	107.964.646
- Đ/tư XD CB h/thành	394.594.034	386.000.200	10.771.663.649	-	11.552.257.883
- Tăng khác (*)	-	-	1.119.397.400	-	1.119.397.400
Số cuối năm	126.740.530.124	45.155.751.659	324.927.919.960	2.450.783.789	499.274.985.532
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	72.686.123.833	31.944.985.965	209.565.674.239	725.895.466	314.922.679.503
Khấu hao trong năm	8.362.364.180	2.589.350.123	20.289.191.418	440.723.681	31.681.629.402
Tăng khác (*)	-	-	1.119.397.400	-	1.119.397.400
Số cuối năm	81.048.488.013	34.534.336.088	230.974.263.057	1.166.619.147	347.723.706.305
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.659.812.257	12.752.209.938	103.471.184.672	1.689.479.233	171.572.686.100
Số cuối năm	45.692.042.111	10.621.415.571	93.953.656.903	1.284.164.642	151.551.279.227

(*) Trong năm, Công ty nhận bàn giao tài sản từ Ban QLDA đầu tư phát triển cấp nước Đông Hà và vùng phụ cận xe ô tô 7 chỗ ngồi, hiệu Mitsubishi Pajero Sport

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 107.601.269.477 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 45.597.926.488 đồng. (Xem thuyết minh số V.18).
- Công ty không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phân mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.509.554.000	1.509.554.000
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	1.509.554.000	1.509.554.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	804.678.471	804.678.471
Khấu hao trong năm	187.139.724	187.139.724
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	991.818.195	991.818.195
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	704.875.529	704.875.529
Số cuối năm	517.735.805	517.735.805

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 531.000.000 đồng.
- Công ty không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại thời điểm 31/12/2025.
- Công ty không có TSCĐ vô hình chờ thanh lý tại thời điểm 31/12/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển sang TSCĐ	Kết chuyển khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	4.315.858.561	48.812.173.323	11.552.257.883	929.126.143	40.646.647.858
- Công trình hoàn thiện đầu nối hộ khách hàng xã Hải Hưng - Hải Quy	1.059.260.377	1.122.082.101	2.181.342.478	-	-
- Công trình Đầu tư nâng cấp nhà máy nước Hải Lăng từ 3.200 lên 7.500M3/ngày	857.293.607	9.049.837	866.343.444	-	-
- Công trình ĐTXD tuyến ống cấp nguồn nước sạch 8 xã phía Đông Bắc Triệu Phong; Hoàn thiện mạng lưới cấp nước và đầu nối khách hàng 02 xã Triệu An, Triệu Thành	538.168.333	2.287.574.228	-	-	2.825.742.561
- Dự án Đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nguồn nước sạch cho 8 xã phía Đông bắc huyện Triệu Phong tỉnh Quảng Trị	-	36.135.485.846	-	-	36.135.485.846
- Các công trình khác	1.861.136.244	9.257.981.311	8.504.571.961	929.126.143	1.685.419.451
Cộng	4.315.858.561	48.812.173.323	11.552.257.883	929.126.143	40.646.647.858

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Phải trả người bán là các đối tượng khác	1.629.571.318	8.293.267.241
Công ty cổ phần DNP HAWACO	648.000.000	615.099.960
Công ty cổ phần Cantech	124.494.300	-
Công ty TNHH TM và Chuyển giao Công nghệ Á	-	2.065.554.828
Công ty TNHH MTV Quản lý Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Trị	-	517.750.000
Các đối tượng khác	857.077.018	5.094.862.453
Cộng	<u>1.629.571.318</u>	<u>8.293.267.241</u>

Trong đó, số quá hạn thanh toán là 0 đồng.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các đối tượng khác	1.252.309.240	1.269.103.410
Các hộ dân thuộc 8 xã Nam Cửa Việt	322.800.000	-
Các hộ dân thuộc xã Nãi Cừ	285.000.000	-
Ủy Ban nhân dân xã Cam Thủy	-	175.000.000
Ban QLDA Sở Giao thông tỉnh Quảng Trị	-	362.521.000
Các đối tượng khác	644.509.240	731.582.410
Cộng	<u>1.252.309.240</u>	<u>1.269.103.410</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	403.071.213	-	2.792.218.938	3.220.421.709	-	25.131.558
Thuế TNDN	1.627.497.382	-	5.382.009.507	4.627.497.382	2.382.009.507	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.943.749	-	364.326.003	402.979.397	-	23.709.645
Thuế tài nguyên	25.396.740	-	1.101.392.970	1.007.863.090	118.926.620	-
Phí bảo vệ môi trường	1.002.545.477	-	14.498.970.866	14.426.972.996	1.074.543.347	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	193.193.510	-	1.121.161.354	1.116.105.205	198.249.659	-
Cộng	3.266.648.071	-	25.260.079.638	24.801.839.779	3.773.729.133	48.841.203

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động cung cấp nước sạch là 5%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.485.801.254	24.979.659.043
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	424.246.283	3.081.277.665
- Các khoản điều chỉnh tăng	424.246.283	3.081.277.665
+ Trích lập Quỹ Phát triển KH&CN	-	2.500.000.000
+ Chi phí tiền lương còn lại năm trước chưa chi hết trước 31/03 năm nay	-	346.631.504
+ Các khoản chi phí không hợp lý	424.246.283	234.646.161
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	26.910.047.537	28.060.936.708
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	26.910.047.537	28.060.936.708
Trích lập Quỹ PT KH&CN	-	2.500.000.000
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.382.009.507	5.112.187.345
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	27.706.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.382.009.507	5.139.894.149
Các loại thuế khác và lệ phí		
Công ty kê khai và nộp theo quy định.		
15. Phải trả người lao động	31/12/2025	01/01/2025
Tiền lương phải trả	18.471.644.196	18.223.937.050
Cộng	18.471.644.196	18.223.937.050
Tiền lương được tính trên cơ sở đơn giá tiền lương, quỹ lương đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.		
16. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí phải trả là các bên liên quan	-	-
Chi phí phải trả là các đối tượng khác	1.436.795.424	1.720.304.077
Trích trước chi phí lãi vay	472.508.999	627.193.818
Trích trước chi phí tiền ăn ca	-	198.792.354
Trích trước chi phí tiền điện	823.199.302	762.817.905
Trích trước chi phí phải trả khác	141.087.123	131.500.000
Cộng	1.436.795.424	1.720.304.077

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ
Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2025	01/01/2025					
17. Phải trả ngắn hạn khác							
Phải trả khác là các bên liên quan	-	-					
Phải trả khác là các đối tượng khác	12.627.155.432	9.329.076.915					
Kinh phí công đoàn, BHXH	166.579.639	196.624.707					
Nhận ký cược, ký quỹ	1.248.494.402	973.725.372					
Phải trả khác về kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB	2.114.686.000	3.255.426.000					
Quỹ quay vòng dự án Un-Habitat	8.866.222.561	4.649.000.000					
Các khoản phải trả khác	231.172.830	254.300.836					
Cộng	12.627.155.432	9.329.076.915					
18. Vay và nợ thuê tài chính							
18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn							
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Điều chỉnh khác	Số cuối năm	
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	9.385.980.634	-	9.385.980.634	7.564.008.260	-	7.564.008.260	
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	5.545.935.530	-	5.545.935.530	2.772.963.156	-	2.772.963.156	
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	3.840.045.104	-	3.840.045.104	3.840.045.104	-	3.840.045.104	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Hải Phòng	-	-	-	951.000.000	-	951.000.000	
Cộng	9.385.980.634	-	9.385.980.634	7.564.008.260	-	7.564.008.260	

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát		Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển		Điều chỉnh	
		sinh trong năm	trong năm		sang ngắn hạn	khác	khác	Số cuối năm
Vay dài hạn	22.933.199.595	23.600.000.000	-	-	7.564.008.260	353	38.969.191.688	
- Ngân hàng Phát triển Châu Á	2.772.962.803	-	-	-	2.772.963.156	353	-	
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (1)	20.160.236.792	-	-	-	3.840.045.104	-	16.320.191.688	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Nam Hải Phòng (2)	-	23.600.000.000	-	-	951.000.000	-	22.649.000.000	
Cộng	22.933.199.595	23.600.000.000	-	-	7.564.008.260	353	38.969.191.688	

(1) Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng theo Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HDTD/790500020588 ngày 13/10/2022; Mục đích vay để đầu tư dự án “Công trình cải tạo, nâng cấp nhà máy nước Tân Lương công suất từ 15.000 m³/ngày-đêm đến 28.000 m³/ngày-đêm”; Tổng số tiền vay tối đa là 30.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 8 năm; Lãi suất vay cố định 7,9%/năm trong 3 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, hết thời hạn cố định lãi suất đã nêu, lãi suất điều chỉnh sẽ được áp dụng tương ứng với mỗi khoản rút vốn vay, và áp dụng theo công thức: Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho khách hàng cá nhân tại 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng (+) biên độ 1,5%/năm và điều chỉnh 3 tháng 1 lần cho đến hết thời hạn cho vay. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản bao gồm bề nước, máy móc trang thiết bị, vật tư, các hạng mục hạ tầng phụ trợ... hình thành từ dự án, có giá trị tối thiểu 73.934.000.000 đồng. (Xem thuyết minh số V.9).

(2) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Hải Phòng theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 8262019/2025/HĐCVTDH ngày 31/07/2025; Mục đích vay để phục vụ chương án “Đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nguồn nước sạch cho 8 xã phía Đông Bắc huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Hoàn thiện mạng lưới cấp nước và đầu nối khách hàng 02 xã Triệu An, Triệu Thành (Triệu Đông)”; Tổng số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng nhưng tối đa không vượt quá 59,9% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng); Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất cho vay có điều chỉnh 5,8%/năm và cố định trong 24 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau thời gian áp dụng lãi suất cố định, lãi suất cho vay là lãi suất cơ sở cộng với mức biên độ 1,8%/năm. Kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần. Lãi suất cơ sở là lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân Việt Nam Đồng 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, loại lãi suất là trả lãi cuối kỳ. Biện pháp bảo đảm tiền vay là Hệ thống ống hình thành trong tương lai từ dự án “Đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nguồn nước sạch cho 8 xã phía Đông Bắc huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Hoàn thiện mạng lưới cấp nước và đầu nối khách hàng 02 xã Triệu An, Triệu Thành (Triệu Đông)”. (Xem Thuyết minh số V.9)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.655.811.171	1.573.456.218	2.346.980.000	1.882.287.389
Quỹ phúc lợi	3.559.696.959	1.656.269.703	996.009.593	4.219.957.069
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	253.632.756	82.813.485	130.000.000	206.446.241
Cộng	6.469.140.886	3.312.539.406	3.472.989.593	6.308.690.699

20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	3.438.637.550	1.248.906.285	4.687.543.835
Trích lập quỹ	-	-	-
Đầu tư mua sắm TSCĐ	-	-	-
Khấu hao TSCĐ	-	289.817.568	289.817.568
Số dư tại ngày 31/12/2025	3.438.637.550	959.088.717	4.397.726.267

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	182.332.690.000	15.228.159.900	16.742.074.932	214.302.924.832
Tăng trong năm	-	-	19.839.764.894	19.839.764.894
Trích lập các quỹ	-	5.011.827.640	(8.391.237.874)	(3.379.410.234)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(8.350.837.102)	(8.350.837.102)
Số dư tại ngày 31/12/2024	182.332.690.000	20.239.987.540	19.839.764.850	222.412.442.390
Số dư tại ngày 01/01/2025	182.332.690.000	20.239.987.540	19.839.764.850	222.412.442.390
Lợi nhuận trong năm	-	-	21.103.791.747	21.103.791.747
Trích lập các quỹ	-	5.951.929.468	(9.264.468.874)	(3.312.539.406)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(10.575.296.020)	(10.575.296.020)
Số dư tại ngày 31/12/2025	182.332.690.000	26.191.917.008	21.103.791.703	229.628.398.711

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	01/01/2025	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
UBND tỉnh Quảng Trị	51,00%	92.989.670.000
Ông Ngô Ngọc Tùng	24,05%	43.860.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24,95%	45.483.020.000
Cộng	100,00%	182.332.690.000

	31/12/2025	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
UBND tỉnh Quảng Trị	51,00%	92.989.670.000
Ông Ngô Ngọc Tùng	24,05%	43.860.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24,95%	45.483.020.000
Cộng	100,00%	182.332.690.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	182.332.690.000	182.332.690.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	182.332.690.000	182.332.690.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.575.296.020	8.350.837.102

d. Cổ phiếu

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.233.269	18.233.269
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu thường	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu thường	18.233.269	18.233.269
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận năm 2024 được thực hiện theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Trị. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2024 được phân phối trích lập quỹ đầu tư và phát triển 30%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường Ban điều hành số tiền 3.312.539.406 đồng, chia cổ tức cho các cổ đông số tiền 10.575.296.020 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: đồng)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động cung cấp nước sạch	164.301.761.600	160.788.774.161
Doanh thu hoạt động xây lắp, lắp đặt	19.524.812.380	23.985.174.169
Doanh thu hoạt động khác	1.988.050.630	1.672.698.882
Cộng	<u>185.814.624.610</u>	<u>186.446.647.212</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động cung cấp nước sạch	100.348.840.507	98.346.624.449
Giá vốn hoạt động xây lắp, lắp đặt	17.381.099.544	21.293.295.756
Giá vốn hoạt động khác	1.537.905.498	1.625.045.857
Cộng	<u>119.267.845.549</u>	<u>121.264.966.062</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.280.813.260	2.035.122.889
Cộng	<u>3.280.813.260</u>	<u>2.035.122.889</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.747.847.104	3.244.925.480
Cộng	<u>2.747.847.104</u>	<u>3.244.925.480</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.677.959.287	12.404.901.177
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ	8.692.277.346	5.928.444.542
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.705.332	10.705.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.225.756.217	1.222.258.686
Chi phí bằng tiền khác	1.414.016.587	1.232.358.116
Cộng	<u>25.020.714.769</u>	<u>20.798.667.853</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	8.642.437.347	7.707.681.408
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.189.221.196	1.412.373.146
Chi phí khấu hao TSCĐ	876.282.207	880.539.223
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	88.474.301	210.806.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	411.763.221	460.645.578
Chi phí bằng tiền khác	4.760.521.722	5.033.008.439
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	2.500.000.000
Cộng	15.968.699.994	18.205.054.568

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng tiêu thụ nước	86.726.361	112.732.585
Thu từ tiền bồi thường, hỗ trợ	2.411.245.369	1.475.607.407
Xử lý công nợ	19.174.357	4.565.426
Các khoản thu nhập khác	61.542.013	40.883.453
Cộng	2.578.688.100	1.633.788.871

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính, tiền chậm nộp	9.730.616	199.673.561
Chi phí từ bồi thường, hỗ trợ	1.738.473.017	1.284.475.934
Các khoản chi phí khác	435.013.667	138.136.471
Cộng	2.183.217.300	1.622.285.966

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.103.791.747	19.839.764.894
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(3.165.149.696)	(3.312.539.406)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(3.165.149.696)	(3.312.539.406)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ	17.938.642.051	16.527.225.488
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	18.233.269	18.233.269
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	984	906

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025, Công ty dự kiến trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 15% từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại là 906 đồng/CP do điều chỉnh khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025. Số trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 là 870 đồng/CP.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.233.269	18.233.269
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>18.233.269</u>	<u>18.233.269</u>

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.938.642.051	16.527.225.488
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.938.642.051	16.527.225.488
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.233.269	18.233.269
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>984</u>	<u>906</u>

(*) Xem thuyết minh số VI.09.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ	45.378.334.284	43.565.709.289
Chi phí nhân công	64.654.579.088	62.127.755.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.578.951.558	32.463.631.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.726.562.066	5.787.499.936
Chi phí bằng tiền khác	12.149.635.070	12.922.835.188
Cộng	<u>159.488.062.066</u>	<u>156.867.431.516</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: đồng)****1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	23.600.000.000	-
Cộng	23.600.000.000	-

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo các khế ước thông thường	9.385.980.634	6.637.115.907
Cộng	9.385.980.634	6.637.115.907

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Ban thư ký Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm nay		
			Lương, thưởng, phụ cấp, thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch HĐQT	651.361.316	5.394.000	656.755.316
2	Trần Văn Hợi	Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc	615.791.549	4.118.000	619.909.549
3	Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	593.090.802	2.543.880.000	3.136.970.802
4	Lê Thành Ty	Giám đốc, Thành viên HĐQT	637.203.110	3.886.000	641.089.110
5	Lê Văn Tư	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	393.470.055	5.278.000	398.748.055
6	Lê Thị Lưu	Trưởng ban kiểm soát	512.634.832	3.480.000	516.114.832
7	Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	273.269.388	-	273.269.388
8	Phan Ngọc Linh	Kế toán trưởng	472.324.462	1.160.000	473.484.462
	Tổng cộng		4.149.145.513	2.567.196.000	6.716.341.513

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm trước		
			Lương, thưởng, phụ cấp, thù lao	Cổ tức	Tổng cộng
1	Đào Bá Hiếu	Chủ tịch HĐQT	522.497.062	4.259.400	526.756.462
2	Ngô Ngọc Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT	476.561.289	2.008.788.000	2.485.349.289
3	Lê Thành Ty	Giám đốc, thành viên HĐQT	458.703.577	3.068.600	461.772.177
4	Nguyễn Hà Hải	Giám đốc, thành viên HĐQT	369.849.484	-	369.849.484
5	Lê Văn Tư	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	389.403.959	4.167.800	393.571.759
6	Trần Văn Hợi	Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	442.842.329	3.251.800	446.094.129
7	Lê Thị Lưu	Kế toán trưởng	406.026.820	2.748.000	408.774.820
8	Phạm Hồng Tuấn	Trưởng ban kiểm soát	410.204.757	-	410.204.757
	Tổng cộng		3.476.089.277	2.026.283.600	5.502.372.877

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác.

2. Báo cáo bộ phận*- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch, xây lắp, lắp đặt và hoạt động khác.

	Cung cấp nước sạch	Xây lắp, lắp đặt	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV ra bên ngoài	164.301.761.600	19.524.812.380	1.988.050.630	185.814.624.610
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	164.301.761.600	19.524.812.380	1.988.050.630	185.814.624.610
Giá vốn bộ phận	100.348.840.507	17.381.099.544	1.537.905.498	119.267.845.549
Lợi nhuận gộp bộ phận	63.952.921.093	2.143.712.836	450.145.132	66.546.779.061
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV ra bên ngoài	160.788.774.161	23.985.174.169	1.672.698.882	186.446.647.212
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.788.774.161	23.985.174.169	1.672.698.882	186.446.647.212
Giá vốn bộ phận	98.346.624.449	21.293.295.756	1.625.045.857	121.264.966.062
Lợi nhuận gộp bộ phận	62.442.149.712	2.691.878.413	47.653.025	65.181.681.150

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ

Số 02 Nguyễn Trãi, Phường Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Quảng Trị, ngày 04 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

TRỊNH THỊ THANH NHÂN

Kế toán trưởng

PHAN NGỌC LINH

Giám đốc



LÊ THÀNH TY



